TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34/2021/QĐST-HNGĐ	*Ba Đồn, ngày 14 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 45/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Lan A, sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1981; nơi cư trú: tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án";

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2021,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Lan A và Nguyễn Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 1/2007, ngày 26/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Thọ, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày ký Quyết định (03/6/2021) .

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về các mối quan hệ khác như sau:

- Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị Lan A và anh Nguyễn Văn N thừa nhận

có 03 con chung là Nguyễn Trần Bảo D, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2008; Nguyễn Trần Bảo C, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2011; Nguyễn Trần Minh Q, sinh ngày 22 tháng 06 năm 2014. Hai bên thỏa thuận giao 03 con chung cho chị Trần Thị Lan A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000 đồng/tháng/03 con cho đến khi các cháu lần lượt tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn N có quyền qua lại thăm con; chị Trần Thị Lan A và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Ngọc trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh N có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Nếu anh N lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị thống nhất tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị Lan A thỏa thuận nộp số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002288, ngày 23 tháng 4 năm 2021. Chị Trần Thị Lan A đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Đương sự;
- UBND p. Quảng Thọ
(GCNKH số 29, quyển số 1/2007, ngày 26/3/2007);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Anh Đức